

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 37 /2015/QĐ-UBND

1. Đạo Sứ
2. Phòng Kế Hoạch, UBND: Thực hiện cáu Đề, cá khẩn cấp
3. Chi Lực cáu Trận.
4. Về nhà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán
và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN

CV Số:.....
Đến Ngày: 04. tháng 12. năm 2015
Chuyển:.....

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;
Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ 2013 và số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ ngày 15/10/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của liên Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính tại Tờ trình số 53/TTr-LNKHCN-TC ngày 09/10/2015 về việc phê duyệt quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên, kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 472/STP-XDVB ngày 28/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 3034/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 và Quyết định số 34/2008/QĐ-UBND ngày 20/6/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Nguyên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNNS HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
(Đ/c Hải, Đ/c Linh)
- Lưu: VT, CV NCTH.

T11/2015-QĐ(80b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ma Thị Nguyệt

QUY ĐỊNH

định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước. Định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN, các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Định mức xây dựng dự toán tại quy định này là mức trần tối đa. Căn cứ vào quy mô, nội dung, tính chất của từng nhiệm vụ KH&CN để áp dụng định mức chi phù hợp.

2. Các nội dung chi không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh quy định tại Điều 27 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác có liên quan.

3. Khuyến khích nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (quy định tại Điều 28 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ) áp dụng các định mức của quy định này tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 7 Quy định này.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục I: CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 6. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: Tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 5 quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẽ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định.

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.
7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.
8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).
9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.
 - a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

Bảng 1: Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công

| STT | Nội dung công việc | Dự kiến kết quả |
|-----|---|---|
| 1 | Nghiên cứu tổng quan | Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu |
| 2 | Đánh giá thực trạng | Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu |
| 3 | Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu | Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu |
| 4 | Nội dung nghiên cứu chuyên môn | Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn |
| 5 | Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ | Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ |
| 6 | Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác | Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác |
| 7 | Tổng kết, đánh giá | Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp |

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN tính theo ngày công lao động và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán. Ngày công lao động quy đổi được căn cứ dựa trên bảng chấm công và sản phẩm đi kèm cụ thể như sau:

- Cách tính ngày công quy đổi:

$$S_{nc} = \frac{Sgc}{8}$$

Trong đó:

S_{nc}: Tổng số ngày công thực hiện

S_{gc}: Tổng số giờ công thực hiện

8: Số giờ làm việc trong 01 ngày theo quy định (8h/ngày)

Trong phép chia trên, nếu có số dư, được tính như sau:

+ *Số dư > 4: Được quy đổi thành 01 ngày công*

+ *Số dư ≤ 4: Được quy đổi thành ½ ngày công.*

Tổ chức chủ trì thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

- Cách tính tiền công:

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$$

Trong đó:

T_c: Dự toán tiền công của chức danh.

L_{cs}: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

H_{stcn}: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 2 dưới đây.

S_{nc}: Số ngày công của từng chức danh.

Bảng 2
Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

| STT | Chức danh | Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd) | Hệ số lao động khoa học (Hkh) | Hệ số tiền công theo ngày Hstcn= (Hcd x Hkh)/22 |
|-----|---|-------------------------------------|----------------------------------|--|
| 1 | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 4,74 | 1,71 | 0,37 |
| 2 | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | 3,66 | 1,35 | 0,22 |
| 3 | Thành viên | 2,67 | 1,09 | 0,13 |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 2,34 | 0,98 | 0,10 |

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 20.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20.000.000 đồng/người/tháng, hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 điều 7 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết

quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Định mức hỗ trợ được quy định như sau:

a) Đối với dự án khoa học và công nghệ:

- Dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

+ Hỗ trợ giống: tối đa 80%.

+ Hỗ trợ vật tư, phân bón, các nguyên, nhiên, vật liệu khác: tối đa 40%.

- Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, công nghệ thông tin,...: Nguyên vật liệu chính hỗ trợ tối đa 40%, nguyên vật liệu phụ hỗ trợ tối đa 60%.

b) Đối với đề tài khoa học và công nghệ, nhiệm vụ KH&CN khác: Hỗ trợ tối đa 100%.

Việc hỗ trợ mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu (kinh phí, chủng loại nguyên, nhiên, vật liệu...) do cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên quyết định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan (hoặc chứng thư thẩm định giá trong trường hợp cần thiết theo quy định hiện hành). Nội dung chi này có mục tiêu, có gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; đồng thời được quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước, định mức hỗ trợ theo quy định này bao gồm cả tiền thuê tài sản, chi phí vận chuyển, lắp đặt, vận hành (nếu cần thiết), cụ thể như sau:

a) Dự án khoa học và công nghệ:

- Sửa chữa hoặc mua sắm mới tài sản cố định: Hỗ trợ tối đa 40%.

- Thuê tài sản cố định (đối với những tài sản, thiết bị đặc thù hoặc chi phí mua sắm mới quá lớn): Hỗ trợ tối đa 60%.

b) Đề tài khoa học và công nghệ, nhiệm vụ KH&CN khác: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí sửa chữa hoặc thuê tài sản cố định (không được mua sắm mới).

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Bảng 3: Định mức dự toán chi phục vụ Hội thảo khoa học

| Số thứ tự | Nội dung | Đơn vị tính | Định mức chi tối đa |
|-----------|--|-------------|---------------------|
| 1 | Người chủ trì | Người | 700.000 |
| 2 | Thư ký hội thảo | Người | 200.000 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 400.000 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 300.000 |
| 5 | Thành viên, đại biểu tham gia hội thảo | Người | 100.000 |
| 6 | Hội trường, khánh tiết, nước uống, tài liệu, thiết bị phục vụ... | Cuộc | 500.000 |

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi họp hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

Dự toán được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN tối đa không quá 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Kinh phí cho các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN được lập dự toán thành một mục chi riêng của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN. Các nội dung chi cụ thể như sau:

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn.

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn KH&CN (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư

vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ thẩm định nội dung, tổ thẩm định kinh phí);

- b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;
 - c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;
 - d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;
 - đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).
2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).
 3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.
 4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:
 - a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;
 - b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).
 5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.
 6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN (xăng xe, điện nước, vật tư văn phòng ...)

Điều 9. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công.

Bảng 5: Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

| Số thứ tự | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Định mức chi tối đa |
|-----------|---|----------------------------|---------------------|
| 1 | Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng | |
| | <i>Chủ tịch Hội đồng</i> | | 700.000 |
| | <i>Phó Chủ tịch Hội đồng</i> | | 600.000 |
| | <i>Thành viên Hội đồng</i> | | 200.000 |
| | <i>Thư ký hành chính</i> | | 200.000 |
| | <i>Đại biểu được mời tham dự</i> | | 100.000 |
| | <i>Hội trường, khánh tiết, nước uống, tài liệu</i> | | 700.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | |
| | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng</i> | | 200.000 |
| | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng</i> | | 300.000 |

| Stt | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Định mức chi tối đa |
|----------|---|----------------------------|---------------------|
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng | |
| | <i>Chủ tịch Hội đồng</i> | | 800.000 |
| | <i>Phó Chủ tịch Hội đồng</i> | | 700.000 |
| | <i>Thành viên Hội đồng</i> | | 200.000 |
| | <i>Thư ký hành chính</i> | | 200.000 |
| | <i>Đại biểu được mời tham dự</i> | | 100.000 |
| | <i>Hội trường, nước uống, tài liệu</i> | | 500.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | |
| | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng</i> | | 300.000 |
| | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng</i> | | 400.000 |
| 3 | Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN | | |
| | <i>Tổ trưởng tổ thẩm định</i> | Nhiệm vụ | 400.000 |
| | <i>Thành viên tổ thẩm định</i> | Nhiệm vụ | 300.000 |
| | <i>Thư ký hành chính</i> | Nhiệm vụ | 200.000 |
| | <i>Đại biểu được mời tham dự</i> | Nhiệm vụ | 100.000 |
| | <i>Nước uống, tài liệu</i> | | 300.000 |
| 4 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN | | |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ | |
| | <i>Chủ tịch Hội đồng</i> | | 800.000 |
| | <i>Phó Chủ tịch Hội đồng</i> | | 700.000 |
| | <i>Thành viên Hội đồng</i> | | 200.000 |
| | <i>Thư ký hành chính</i> | | 200.000 |
| | <i>Đại biểu được mời tham dự</i> | | 100.000 |
| | <i>Hội trường, khánh tiết, nước uống, tài liệu</i> | | 500.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | |
| | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng</i> | | 300.000 |
| | <i>Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng</i> | | 400.000 |

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Đối với chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (*trong trường hợp cần thiết phải có Hội đồng đánh giá giữa kỳ*) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Quy định này.

5. Đối với các khoản chi khác liên quan đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN (quy định tại khoản 6, điều 8 của quy định này) và các nội dung chi không có định mức trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

Mục II

LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 10. Lập dự toán kinh phí phục vụ công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi theo Quy định này. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN (theo quy định tại Điều 8 của Quy định này) và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của địa phương, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ lập dự toán.

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của pháp luật, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu

a) Dự toán kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Thẩm định dự toán

a) Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ thẩm định kinh phí. Thành phần tổ thẩm định kinh phí gồm có tổ trưởng và các ủy viên là những cán bộ có liên quan của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và những chuyên gia tài chính trong lĩnh vực có liên quan. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng thẩm định có thể mời đại diện cơ quan thực hiện nhiệm vụ (hoặc ban chủ nhiệm Đề tài, Dự án) tham dự và giải trình.

b) Căn cứ thẩm định dự toán Kinh phí: Biên bản họp của các Hội đồng (có liên quan); Biên bản thẩm định Nội dung; Định mức Kinh tế kỹ thuật và định mức thực hiện nhiệm vụ KH&CN (theo quy định này) và các Văn bản pháp luật khác có liên quan.

c) Kết quả thẩm định kinh phí được thống nhất thông qua Biên bản thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được quyền chủ động điều chỉnh kinh phí chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi có thay đổi về nội dung và tiến độ khi thực hiện (nhưng vẫn phải đảm bảo mục tiêu chung đã được phê duyệt và tổng kinh phí là không thay đổi).

3. Giao dự toán

a) Kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN hàng năm được giao về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên và được thực hiện theo các quy định quản lý tài chính của Quỹ.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và Công nghệ khác, kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN được giao về Sở Khoa học và Công nghệ, thực hiện theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản, thông tư hướng dẫn.

Điều 13. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Sở Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ cấp kinh phí cho các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

1. Căn cứ vào nội dung Hợp đồng nghiên cứu khoa học, tiến độ thực hiện trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ (Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ) làm thủ tục cấp kinh phí cho các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tạm ứng kinh phí lần đầu không vượt quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được phê duyệt.

2. Việc tạm ứng kinh phí các lần tiếp theo; trình tự, thủ tục tạm ứng được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh quyết toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 14. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ giao cho đơn vị nào thì đơn vị đó có trách nhiệm quyết toán theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Hình thức quyết toán

a) Kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN và các nhiệm vụ KH&CN khác được Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên cấp kinh phí, hỗ trợ, tài trợ kinh phí, cho vay và bảo lãnh vốn vay... thực hiện quyết toán theo theo các quy định quản lý tài chính của Quỹ phát triển KH&CN.

b) Kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN, kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác... do Ngân sách Nhà nước cấp, hỗ trợ kinh phí thực hiện quyết toán theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác của Pháp luật.

3. Nhiệm vụ KH&CN chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc lập báo cáo quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí của mỗi nhiệm vụ được giữ lại 10- 20% trên tổng kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và từ Quỹ phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên, phần này sẽ được cấp tiếp sau khi nghiệm thu kết quả và quyết toán số kinh phí được duyệt với kết quả “Đạt” trở lên.

Điều 15. Chi phí phát sinh, thu hồi, miễn giảm kinh phí thu hồi

1. Những chi phí phát sinh phục vụ cho việc hoàn thiện sản phẩm và tài liệu của nhiệm vụ KH&CN theo yêu cầu của hội đồng đánh giá cơ sở do thực hiện chưa đúng với nội dung và yêu cầu đã quy định trong hợp đồng do tổ chức chủ trì thực hiện chịu trách nhiệm.

2. Những chi phí kiểm định, đo đạc lại các thông số kỹ thuật và những chi phí phát sinh liên quan đến đánh giá của hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chuyên gia và do trượt giá được bổ sung từ ngân sách sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh sau khi có quyết định của Thường trực Hội đồng KH&CN tỉnh.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm được thương mại hóa có trách nhiệm nộp một phần kinh phí thu hồi từ việc thực hiện nhiệm vụ. Mức kinh phí thu hồi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

4. Trường hợp bị thiệt hại do những tác động khách quan, bão, lụt, hoả hoạn, dịch bệnh gây ra, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công

nghệ phải báo cáo giải trình rõ, Sở KH&CN chủ trì phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xem xét và đề nghị UBND tỉnh miễn, giảm kinh phí thu hồi.

Điều 16. Xử lý tài chính trong trường hợp đình chỉ và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa triển khai thì không cấp kinh phí và thông báo hủy hợp đồng. Các chi phí cho hội đồng xét duyệt được thanh toán trong nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm phân bổ cho Sở KH&CN.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã triển khai thực hiện thì thành lập hội đồng liên ngành xác định trách nhiệm của mỗi bên và thẩm tra số kinh phí thực hiện chi hợp lý theo đúng với nội dung thuyết minh được phê duyệt thì được thanh quyết toán, trừ những khoản chi hợp lý nhưng không sử dụng (hoặc sử dụng không hết) phải thu hồi; số kinh phí chi sai mục đích phải xuất toán; thu hồi số kinh phí đã cấp còn lại. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có trách nhiệm nộp số kinh phí bị xuất toán và kinh phí thu hồi vào ngân sách nhà nước.

Điều 17. Thanh lý hợp đồng

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết định công nhận kết quả, đã thực hiện giao nộp sản phẩm, đăng ký lưu giữ kết quả theo quy định hiện hành. Sở KH&CN tiến hành thủ tục quyết toán tài chính theo các quy định của pháp luật tài chính hiện hành. Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí, quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ sở để thanh lý hợp đồng.

2. Sở KH&CN tiến hành thanh lý hợp đồng chậm nhất 15 ngày kể từ ngày tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ theo khối lượng của từng nhiệm vụ KH&CN, Thường trực Hội đồng Khoa học Công nghệ tỉnh xác định: Số lượng thành viên tham gia Hội đồng; số lượng hồ sơ đăng ký; số ngày công thực hiện đối với từng chức danh quy định tại Điều 5 Quy định này; số lượng chuyên gia; số lượng đại biểu tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị đảm bảo chất lượng và hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ma Thị Nguyệt